

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG TRONG QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI CHO CÁC TỔ CHỨC THỦY LỢI CƠ SỞ TỈNH ĐẮK LẮK

Trương Công Tuấn

Viện Kinh tế và Quản lý thủy lợi

Tóm tắt: Định mức lao động (ĐMLĐ) là một trong số các định mức kinh tế kỹ thuật (KTKT) quan trọng trong công tác quản lý, khai thác (QLKT) và bảo vệ công trình thủy lợi (CTTL). Định mức lao động là cơ sở để các đơn vị bố trí sử dụng lao động một cách hợp lý và là căn cứ để các cấp quản lý lập kế hoạch và nghiệm thu các nhiệm vụ công ích được giao. Theo Luật Thủy lợi và các văn bản hướng dẫn thì việc xây dựng định mức là thực sự cần thiết. Tuy nhiên, hiện nay, trên cả nước mới chỉ có 1 số tỉnh tổ chức xây dựng định mức cho các tổ chức thủy lợi cơ sở (TLCS), trong đó có ĐMLĐ. Trong bài báo này, nhóm tác giả trình bày cách tiếp cận, phương pháp và kết quả nghiên cứu xây dựng định mức lao động cho công tác QLKT CTTL do các tổ chức TLCS trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk quản lý, từ đó rút ra những kinh nghiệm cho việc triển khai thực hiện công tác này trên thực tiễn. Kết quả nghiên cứu là bài học cho việc phát triển và áp dụng công cụ định mức trong công tác quản lý nhằm nâng cao hiệu quả quản lý khai thác công trình thủy lợi của các tổ chức thủy lợi cơ sở.

Summary: Labor norm is one of the most important economic-technical norms that have been applied for the management, exploitation and protection of irrigation and drainage systems. This type of norm is used as bases for irrigation and drainage organizations to adequately arrange labors and for managers at various levels to make plans and approve assigned public service tasks. According to the Hydraulic Law and relevant regulations, setting up norms is very necessary. However, currently in the scope of the country, there are only few provinces to implement this task for the management of local irrigation organizations, of which, there is labor norm. In this paper, the authors aim to draw an approach, methods and present the results of setting up the labor norm for local irrigation organizations in Dak Lak province, then withdrawing experiences for the implementation of this task in practice in general. The results of this study may provide lessons for the development and application of norms to the process of managing to improve the efficiency of management, exploitation and protection of irrigation and drainage of local organizations.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo tinh thần của Luật Thủy lợi (Khoản 3, Điều 34) và quy định cụ thể tại Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ. Các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi tổ chức xây dựng định mức KTKT làm căn cứ định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi (SPDVTL) và thực hiện quản lý vận hành công trình theo đúng quy trình, đảm bảo hiệu quả, an

toàn và bảo vệ CTTL. Thực tế hiện nay, hệ thống CTTL tính từ điểm giao nhận SPDVTL giữa tổ chức, cá nhân cung cấp và tổ chức, cá nhân sử dụng SPDVTL đến vị trí CTTL đầu mối ở vị trí khởi đầu do các đơn vị QLKT CTTL tại các tỉnh quản lý hầu hết đã được xây dựng định mức KTKT theo hướng dẫn của Bộ NN&PTNT tại Quyết định số 2891/QĐ-BNN-TL ngày 12/10/2009. Tuy nhiên, hệ thống công trình tính từ điểm giao nhận SPDVTL đến khu

Ngày nhận bài: 11/3/2020

Ngày thông qua phản biện: 08/4/2020

Ngày duyệt đăng: 16/4/2020

đất canh tác thuộc trách nhiệm các tổ chức, cá nhân sử dụng SPDVTL hầu hết vẫn chưa được nghiên cứu xây dựng định mức KTKT.

Theo thống kê từ Tổng cục Thủy lợi, Bộ NN&PTNT thì tổ chức thủy lợi cơ sở trên cả nước quản lý hơn 25 nghìn công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng các loại và hơn 140 nghìn km kênh mương nội đồng.

Đắk Lắk là một tỉnh tây nguyên, đặc điểm công trình nhỏ lẻ, phân tán. Theo số liệu phân cấp tại Quyết định số 21/2016/QĐ-UBND ngày 18/5/2016 thì toàn tỉnh có 105 tổ chức thủy lợi cơ sở quản lý vận hành hơn 322 công trình bao gồm Hồ chứa (hơn 234 công trình), Đập dâng (hơn 72 công trình), trạm bơm (hơn 9 công trình) và kênh mương, đê bao, rọ đá,...

Các tổ chức TLCS trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk tồn tại dưới các hình thức: i) Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp (HTX); ii) Tổ hợp tác dùng nước (HTDN); iii) Ủy Ban Nhân dân cấp xã (UBND). Các tổ chức này quản lý vận hành hệ thống công trình thủy lợi cấp nước tưới tiêu cho khoảng 16.244ha diện tích mặt bằng trong đó tưới tiêu cho lúa là 5.863 ha (chiếm 36,1%), còn lại là cây cà phê, cây công nghiệp khác. Quy mô diện tích phục vụ tưới tiêu do các tổ chức TLCS quản lý có sự khác biệt lớn. Diện tích phục vụ tưới tiêu nhỏ nhất và lớn nhất của mô hình UBND xã lần lượt là 26-1016 ha; của HTX là 16,8-983ha và của Tổ HTDN là 20-500 ha. Do khác biệt về quy mô diện tích, hệ thống công trình và mô hình tổ chức quản lý do vậy cần có các quy định cụ thể trong sử dụng nguồn lực phục vụ QLVH CTTL để đảm bảo thống nhất trong công tác quản lý thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. CÁCH TIẾP CẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Cách tiếp cận

Công tác QLKT CTTL lợi phụ thuộc rất lớn vào điều kiện tự nhiên, địa hình, và hiện trạng công trình. Do vậy, để xây dựng bộ ĐMLĐ trong công tác QLKT CTTL do các tổ chức TLCS quản lý

cần tiếp cận theo các hướng sau:

a. Theo thể loại công trình

Căn cứ theo danh mục công trình và quy mô phục vụ của từng công trình, phân loại công trình theo từng thể loại: Hồ chứa, Đập dâng, trạm bơm, kênh mương,...từ đó nghiên cứu các quy định trong QLKT đối với từng thể loại công trình và xây dựng các mức hao phí (về nhân công) đối với từng thể loại công trình.

b. Theo sản phẩm từ công tác QLKT CTTL

Trên cơ sở các mức hao phí được xác định đối với từng thể loại công trình theo phương pháp lựa chọn đại diện để tính toán, dựa trên hiện trạng công tác QLVH trên địa bàn và các quy định hiện hành về SPDVTL, lựa chọn đơn vị sản phẩm phù hợp để tính toán định mức lao động đối với từng thể loại công trình.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Để nghiên cứu xây dựng định mức lao động trong công tác QLKT CTTL do các tổ chức TLCS quản lý, nhóm tác giả sử dụng nhưng phương pháp sau:

a. Phương pháp phân tích

Phân chia quá trình sản xuất, lao động thành nhiều công đoạn, và nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến mức hao phí về nhân lực từ đó xác định các hao phí về nhân lực để hoàn thành nội dung từng công việc về quản lý, vận hành, duy tu bảo dưỡng các công trình thủy lợi... theo đúng quy trình quy phạm, trình độ tổ chức sản xuất, tổ chức lao động và yêu cầu kỹ thuật.

b. Phương pháp tiêu chuẩn

Nội dung của phương pháp này là căn cứ vào các tiêu chuẩn, quy định của Nhà nước để xác định thành phần công việc trong QLKT CTTL.

c. Phương pháp thống kê - kinh nghiệm

Tổng hợp, thống kê về hao phí lao động theo một chu kỳ hoặc nhiều chu kỳ của một loại công việc đã và đang thực hiện của các đơn vị đại diện. Trên cơ sở số liệu thống kê tiến hành phân tích, xử lý số liệu để kiểm định các kết quả tính

toán định mức.

d. Phương pháp khảo sát thực địa

Tổng hợp danh mục và quy mô phục vụ của từng công trình trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk do các tổ chức TLCS quản lý (theo phân cấp của UBND tỉnh), phân nhóm công trình theo đặc điểm của từng thể loại công trình, Cụ thể:

- Công trình Hồ chứa: Phân loại theo dung tích (m³) và máy đóng mở của cống lấy nước;
- Công trình Trạm bơm thì phân nhóm theo lưu lượng trạm (m³/h);
- Công trình Đập dâng thì phân nhóm theo chiều cao đập (m);
- Công trình Kênh thì phân nhóm theo chiều rộng đáy kênh (m).

Với mỗi nhóm công trình, tiến hành lựa chọn

các công trình đại diện (về thông số kỹ thuật, đặc điểm công trình và quy mô phục vụ) để tiến hành khảo sát chi tiết công tác QLKT.

3. HIỆN TRẠNG HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH

Theo Quyết định số 21/2016/QĐ-UBND ngày 18/5/2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk thì tổng số công trình được phân cấp cho các tổ chức TLCS quản lý là 322 công trình. Số lượng công trình này chưa bao gồm các công trình đã được phân cấp trước đó trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, tuy nhiên việc lựa chọn, phân nhóm công trình để tính định mức lao động sẽ đảm bảo đáp ứng được cho toàn bộ công trình hiện có trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk do các tổ chức TLCS quản lý. Danh mục công trình theo Quyết định 21/2016/QĐ-UBND bao gồm:

3.1 Hồ chứa

Bảng 1: Số lượng hồ chứa phân nhóm theo lưu lượng

TT	Phân nhóm Hồ chứa	Số lượng công trình
1	$V \geq 500.000 \text{ m}^3$	4
2	$300.000 \leq V < 500.000 \text{ m}^3$	27
3	$200.000 \leq V < 300.000 \text{ m}^3$	58
4	$100.000 \text{ m}^3 \leq V < 200.000 \text{ m}^3$	79
5	$V < 100.000 \text{ m}^3$	66
	Cộng	234

Nguồn: QĐ 21/2016/QĐ-UBND ngày 18/5/2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk

3.2. Đập Dâng

Bảng 2: Số lượng Đập dâng phân nhóm theo chiều cao đập

TT	Phân nhóm Đập dâng	Số lượng công trình
1	$H_{\text{đập}} > 8\text{m}$	2
2	$5\text{m} \leq H_{\text{đập}} \leq 8\text{m}$	9
3	$H_{\text{đập}} < 5\text{m}$	61
	Cộng	72

Nguồn: QĐ 21/2016/QĐ-UBND ngày 18/5/2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk

3.3 Các thể loại công trình khác

Các thể loại công trình khác bao gồm: Trạm bơm, kênh mương, rọ đá, đê bao.

4. QUY TRÌNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

4.1. Quy trình xây dựng định mức lao động

Định mức lao động là hao phí lao động cần thiết (từ khâu chuẩn bị đến khi kết thúc) để hoàn thành một đơn vị sản phẩm hoặc một khối lượng công việc nhất định theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng trong điều kiện tổ chức, kỹ thuật nhất định. Để xây dựng định mức lao động cần xác định và phân chia chu trình QLKT CTTL theo các công đoạn:

Công đoạn 1. Công đoạn *sản xuất* nhằm tạo ra nguồn nước để phục vụ công tác tưới/tiêu, ứng với công đoạn này cần xây dựng định mức lao động để vận hành công trình đầu mối hoặc công tác lấy nước từ các điểm giao nhận nước đối với Công ty TNHH MTV Quản lý CTTL Đắc Lắc.

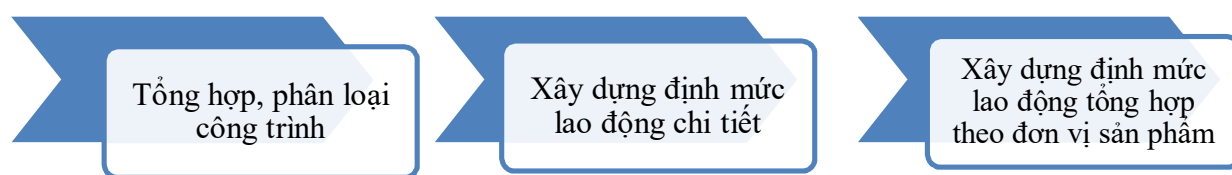
Công đoạn 2. Công đoạn *lưu thông - phân phối* là cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng, khâu lưu thông bắt đầu từ sau cửa lấy nước ở đầu kênh chính của công trình đầu mối (hoặc điểm giao nhận nước), nước chảy qua kênh dẫn các cấp và được dẫn đến chân ruộng của hộ sản xuất, công đoạn này cần xây dựng định mức lao động cho quản lý vận hành kênh mương và công trình trên kênh.

Công đoạn 3. Công đoạn *tiêu thụ* sản phẩm là công đoạn cuối cùng trong chu trình sản xuất

- lưu thông - tiêu thụ. Nước được đưa đến mặt ruộng đảm bảo tưới được nhiều diện tích và không gây lãng phí, công đoạn này cần xây dựng định mức lao động cho công tác quản lý tưới.

Định mức lao động bao gồm: i) định mức lao động chi tiết là hao phí lao động cần thiết để hoàn thành một khối lượng công việc nhất định theo nhóm công việc trong từng công đoạn (một lần vận hành cống, một lần quan trắc, một lần bảo dưỡng,...) theo đúng quy trình, nội dung công việc và yêu cầu kỹ thuật quản lý vận hành và ii) định mức lao động tổng hợp là hao phí lao động cần thiết để quản lý vận hành một công trình, một hệ thống công trình theo đơn vị sản phẩm cho từng vụ hoặc cả năm.

4.2. Trình tự xây dựng định mức lao động



Sơ đồ 1: Trình tự xây dựng định mức lao động cho tổ chức TLCS

Bước 1: Tổng hợp phân loại công trình (thống kê, tổng hợp, phân loại và phân nhóm công trình). Các công trình do các tổ thủy nông cơ sở quản lý bao gồm: hồ chứa, đập dâng nhỏ; trạm bơm; các cống lấy nước, và các vùng diện tích nhỏ đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắc Lắc quy định tại quyết định số 21/2016/QĐ-UBND ngày 18/05/2016.

Bước 2: Xây dựng định mức lao động chi tiết: i) Phân chia quá trình lao động và phân loại lao động (theo 3 công đoạn sản xuất, lưu thông-phân phối, tiêu thụ); ii) Xây dựng định mức lao động chi tiết theo 4 nhóm công việc chính (quan trắc, vận hành, bảo dưỡng, kiểm tra và bảo vệ) trong từng công đoạn; iii) Tổng hợp định mức lao động chi tiết theo nhóm công việc chính trong từng công đoạn.

Bước 3: Xây dựng mức hao phí lao động tổng hợp: Tính toán lao động tổng hợp thực hiện công tác quản lý vận hành từng thể loại công trình (hồ chứa, đập dâng, trạm bơm, cống, kênh và công trình trên kênh, quản lý mặt ruộng) từng vụ và cả năm trên cơ sở tổng hợp số công thực hiện của 4 công tác chính là: i) Công tác vận hành; ii) Công tác quan trắc; iii) Công tác bảo dưỡng; iv) Công tác kiểm tra, bảo vệ.

Bước 4: Tính định mức lao động tổng hợp: là tổng công lao động được xác định theo năm cho từng loại hình công trình được xác định theo khối lượng sản phẩm mà các công trình đại diện được lựa chọn phục vụ theo mỗi vụ hoặc cả năm.

5. KẾT QUẢ TÍNH TOÁN VÀ THẢO LUẬN

5.1 Kết quả tính toán

Căn cứ hiện trạng hệ thống công trình đã được phân nhóm, dựa theo quy trình và trình tự thực hiện, nhóm nghiên cứu xây dựng các chỉ tiêu

định mức theo các bảng kết quả (từ bảng 3 đến bảng 8) đối với từng nhóm, thể loại công trình:

Bảng 3: Định mức lao động cho công tác quản lý, vận hành hồ chứa

Đơn vị tính: Công/hồ chứa/năm

TT	Quy mô công trình theo nhóm dung tích (V)	Định mức		
		Sử dụng máy đóng mở V5	Sử dụng máy đóng mở V3	Không có máy đóng mở
1	$V \geq 500.000 \text{ m}^3$	208,3	204,6	190,8
2	$300.000 \text{ m}^3 \leq V < 500.000 \text{ m}^3$	194,7	192,4	175,4
3	$200.000 \text{ m}^3 \leq V < 300.000 \text{ m}^3$	178,5	178,1	159,5
4	$100.000 \text{ m}^3 \leq V < 200.000 \text{ m}^3$	167,3	165,1	148,4
5	$V < 100.000 \text{ m}^3$	157,7	155,4	138,9

Bảng 4: Định mức lao động cho công tác quản lý, vận hành đập dâng

Đơn vị tính: Công/50m chiều dài đập/năm

TT	Quy mô công trình theo chiều cao đập ($H_{\text{đập}}$)	Định mức (Công/50m chiều dài đập)	
		Đập đất	Đập kiên cố
1	$H_{\text{đập}} > 8\text{m}$	21,18	30,32
2	$5\text{m} \leq H_{\text{đập}} \leq 8\text{m}$	16,06	22,42
3	$H_{\text{đập}} < 5\text{m}$	11,88	15,93

Bảng 5: Định mức lao động cho công tác quản lý, vận hành trạm bơm

Đơn vị tính: Công/trạm bơm/năm

TT	Quy mô công trình theo lưu lượng trạm bơm (Q)	Định mức
I	Huyện Krông Ana	
1	$Q \leq 540 \text{ m}^3/\text{h}$	269,90
2	$540 \text{ m}^3/\text{h} < Q \leq 1.000 \text{ m}^3/\text{h}$	474,37
3	$Q > 1.000 \text{ m}^3/\text{h}$	506,04
II	Huyện Ea Kar	
1	$Q \leq 540 \text{ m}^3/\text{h}$	536,11
2	$540 \text{ m}^3/\text{h} < Q \leq 1.000 \text{ m}^3/\text{h}$	482,41
3	$Q > 1.000 \text{ m}^3/\text{h}$	521,47
III	Huyện Lắk	
1	$Q \leq 540 \text{ m}^3/\text{h}$	681,12
2	$540 \text{ m}^3/\text{h} < Q \leq 1.000 \text{ m}^3/\text{h}$	614,12
IV	Huyện Krông Bông	
1	$540 \text{ m}^3/\text{h} < Q \leq 1.000 \text{ m}^3/\text{h}$	388,58

Bảng 6: Định mức lao động cho công tác quản lý, vận hành kênh

Đơn vị tính: Công/km kênh/năm

TT	Quy mô công trình theo kích thước đáy kênh ($B_{\text{đáy}}$)	Định mức	
		Kênh đất	Kênh kiên cố
1	$B > 2 \text{ m}$	38,854	30,622
2	$1 \text{ m} < B \leq 2 \text{ m}$	35,110	27,849
3	$B \leq 1 \text{ m}$	32,481	25,897

Bảng 7: Định mức lao động cho công tác quản lý, vận hành công lấy nước*Đơn vị tính: Công/công trình/năm*

	Định mức theo máy đóng mở (V)			
Máy đóng mở	V5	V3	V2	V0-V1
Nhân công bậc 4/7	45,40	44,07	35,97	22,04

Bảng 8: Định mức lao động cho công tác quản lý mặt ruộng*Đơn vị tính: Công/100ha/năm*

TT	Nội dung	Định mức/loại diện tích (ha)					
		<20	20-50	51-100	101-150	151-200	>200
1	Nhận tạo nguồn	80,33	76,50	73,50	67,90	61,30	56,20
2	Chủ động nguồn nước	8,51	8,10	7,20	5,50	4,30	3,40

5.2. Một số thảo luận

Kết quả định mức lao động đối với từng thể loại công trình theo nhóm thông số kỹ thuật là cơ sở để các đơn vị quản lý xác định được tổng hao phí nhân công cho công tác quản lý vận hành công trình thuộc phạm vi quản lý của đơn vị. Đây cũng là cơ sở để các định khoản mục chi phí trả lương cho cán bộ quản lý vận hành theo khối lượng công việc thực hiện, ngoài ra định mức lao động cùng với các thành phần chi phí khác cũng là cơ sở để xác định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi nội đồng là căn cứ để thỏa thuận mức thu giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đối với người sử dụng.

Để áp dụng được định mức vào công tác quản lý công trình, đòi hỏi phải xác định được các thông số kỹ thuật của công trình cũng như cơ sở để xác định thông số kỹ thuật đó. Trong bối cảnh các công trình thủy lợi do các tổ chức thủy lợi cơ sở quản lý hiện có thời gian xây dựng rất lâu, nhiều công trình không rõ thông số kỹ thuật cụ thể mà công tác vận hành hoàn toàn dựa theo

kinh nghiệm của người quản lý do đó việc áp dụng định mức sẽ là thách thức không nhỏ đối với các cấp quản lý công trình.

Công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi do các tổ chức thủy lợi cơ sở quản lý hiện nay đa số được giao cho các cán bộ thuộc các tổ chức tại địa phương hoạt động theo hình thức kiêm nhiệm như công an xã, hội phụ nữ, hội cựu chiến binh, đoàn thanh niên, trưởng thôn, trưởng bản, mặt trận tổ quốc, UBND, v.v. do đó hầu hết không có trình độ chuyên môn về quản lý khai thác công trình, điều này có thể tác động không nhỏ tới hiệu quả khai thác công trình. Thực tế tại Đắk Lắk đã có sự liên kết chặt chẽ giữa Công ty TNHH MTV Quản lý công trình thủy lợi Đắk Lắk với các đơn vị quản lý công trình thủy lợi cấp huyện, xã thông qua các buổi tập huấn chuyên môn quản lý khai thác, bên cạnh đó các cán bộ phụ trách của huyện cũng thường xuyên trao đổi và đánh giá tình hình thực tế từ đó phát huy tốt hiệu quả khai thác công trình từ đầu mỗi tới mặt ruộng.

6. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Công tác quản lý khai thác CTTL đang ngày được hoàn thiện về mặt thể chế, chính sách kể từ khi Luật Thủy lợi được ban hành. Thực tế công tác QLKT CTTL do các tổ chức là các Công ty TNHH MTV quản lý thì hầu hết đã được xây dựng định mức KTKT, đối với các tổ chức thủy lợi cơ sở do phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên, đặc điểm kinh tế xã hội và phong tục, tập quán, văn hóa của từng vùng nên phương pháp, quy trình quản lý cũng cần linh hoạt. Tuy nhiên hiện nay ngoài hệ thống công trình tính từ điểm giao nhận SPDVTL đến công trình đầu mối đang được Nhà nước hỗ trợ giá SPDVTL thì hoạt động của các tổ chức TLCS phải huy động sự đóng góp của người sử dụng nước, điều này làm ảnh hưởng không nhỏ tới hiệu quả quản lý khai thác công trình do không thể đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo dưỡng sửa chữa theo yêu cầu kỹ thuật. Việc

xây dựng định mức KTKT phù hợp với đặc điểm vùng miền, đáp ứng theo yêu cầu kỹ thuật đối với hệ thống công trình do các tổ chức TLCS quản lý là sự cần thiết để giúp công tác quản lý dần định hướng theo tiêu chuẩn chung.

Hiện nay trên cả nước mới chỉ có một số tỉnh thực hiện nghiên cứu xây dựng định mức KTKT trong đó có Định mức lao động cho các tổ chức TLCS (An Giang, Đắk Lắk...) và bước đầu đánh giá có hiệu quả trong công tác quản lý. Qua kết quả nghiên cứu xây dựng định mức lao động cho công tác QLKT CTTL do các tổ chức TLCS trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk quản lý, nhóm nghiên cứu kiến nghị các cơ quan của địa phương (UBND tỉnh, Sở Nông Nghiệp & PTNT, Chi cục thủy lợi,...) trên cả nước sớm tổ chức xây dựng bộ định mức KTKT trong QLKT CTTL cho các tổ chức TLCS để tạo sự thuận lợi trong công tác vận hành cũng như trong công tác quản lý Nhà nước, góp phần nâng cao hiệu quả khai thác Công trình thủy lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;
- [2] Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ, Quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;
- [3] Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính Phủ, Quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước;
- [4] Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ NN&PTNT Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;
- [5] Quyết định số 21/2016/QĐ-UBND ngày 18/5/2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk, Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh, ban hành kèm theo Quyết định số 38/2014/QĐ-UBND ngày 06/11/2014 của UBND tỉnh;
- [6] Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 22/5/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk, về việc ban hành Định mức Kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;
- [7] Nguyễn Phúc, 2019. *Phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng*. Bài báo đăng tải trên <https://www.nhandan.com.vn/kinhte/item/39593902-phat-trien-thuy-loi-nho-thuy-loi-noi-dong.html>.